

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST

Ngày 12 - 5 - 2020

V/v:Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia, ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền là Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 512/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019, về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Kiều T, sinh năm ...;

Bị đơn: Ông Trần Phát T, sinh năm ...;

Các đương sự cùng nơi cư trú tại tổ X, khu T, thị trấn T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đơn khởi kiện ngày 06 tháng 11 năm 2019, ý kiến trình bày của nguyên đơn Đặng Kiều T trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án và đến trước ngày mở phiên tòa như sau:*

Nguyên đơn và bị đơn là ông Trần Phát T tự nguyện kết hôn, có giấy chứng nhận kết hôn ngày 09 tháng 9 năm 2006 của Ủy ban nhân dân xã Phú Điền, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 4 năm. Từ năm 2011 đến nay, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn trong gia đình. Bị đơn đã đánh nguyên đơn gây ra thương tích nhiều lần làm thiệt hại về vật chất, tinh thần của nguyên đơn nên vợ chồng không còn sống chung nhiều năm qua.

Vợ chồng các đương sự có 01 người con là Trần Đặng Linh Đ, sinh ngày 21/8/2009, bị đơn đang trực tiếp nuôi con.

Nguyên đơn và bị đơn không có nợ chung, về tài sản chung của vợ chồng không có tranh chấp không khởi kiện.

Do nguyên đơn và bị đơn có nhiều mâu thuẫn phải sống ly thân nên không còn tình nghĩa vợ chồng. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và đồng ý bị đơn là người tiếp tục nuôi dưỡng con Trần Đặng Linh Đ.

** Về ý kiến, yêu cầu của bị đơn ông Trần Phát T đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đơn khởi kiện của nguyên đơn, thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng khác đối với bị đơn. Bị đơn đã trực tiếp nhận các văn bản của Tòa án nhưng không đồng ý ký tên vào biên bản về việc nhận các văn bản tố tụng, bị đơn cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng để cung cấp tài liệu giải quyết vụ án.

Căn cứ Điều 54 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia các phiên họp nên nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án do bị đơn không đến Tòa án giải quyết tranh chấp hôn nhân gia đình của các đương sự. Vì vậy, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tòa án xác minh về tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa các đương sự tại chính quyền địa phương và đã thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ gửi đến các đương sự. Nguyên đơn không có ý kiến về các tài liệu, chứng cứ của vụ án. Tòa án đã thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ tổng đạt hợp lệ đối với bị đơn.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến đề nghị như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật: Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn tuân thủ đúng quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân thủ quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ: Các Điều 91, Điều 92, Điều 93 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Kiều T được ly hôn với ông Trần Phát T. Về con chung: Giao ông Tuấn trực tiếp nuôi 01 con chung là Trần Đặng Linh Đ, sinh năm 2009. Về tài sản chung, tài sản riêng, trách nhiệm thanh toán nợ: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, bị đơn vắng mặt không có lời khai nên khi nào đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Về án phí: Bà Đặng Kiều T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và đồng ý bị đơn là người trực tiếp nuôi người con chưa thành niên nên quan hệ pháp luật tranh chấp phải giải quyết trong vụ án là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn gửi đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm; Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến, quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan hệ hôn nhân và gia đình của các đương sự được xác lập năm 2006, đến nay Tòa án đang giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn và bị đơn kết hôn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Phú Điền, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2006 là đúng theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Pháp luật công nhận bà Đặng Kiều T và ông Trần Phát T là vợ chồng.

Qua ý kiến trình bày của nguyên đơn, tài liệu xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương là chứng cứ chứng minh: Sau khi kết hôn, vợ chồng các đương sự sống hạnh phúc được khoảng 03 đến 04 năm. Đến năm 2011, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bị đơn đã đánh nguyên đơn nhiều lần gây ra thương tích. Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng, điều này thể hiện ý chí của bị đơn không muốn hòa giải vụ án giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng để tiếp tục xây dựng hôn nhân gia đình.

Từ các chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử kết luận: Các đương sự vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng do có mâu thuẫn nghiêm trọng nên không còn thương yêu, giúp đỡ giữa vợ và chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là phù hợp Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về trách nhiệm của các đương sự đối với người con chưa thành niên:

Khoản 4 Điều 70 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định con đã thành niên có quyền lựa chọn nghề nghiệp, nơi cư trú; khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con.

Tài liệu hồ sơ vụ án không có chứng cứ chứng minh bị đơn không đủ điều kiện nuôi con. Như vậy, con của các đương sự là Trần Đặng Linh Đ đã sinh sống, cư trú ổn định với bị đơn đến nay. Đ là người chưa thành niên phải tuân theo ý kiến quyết định của cha mẹ về nơi cư trú, người nuôi dưỡng theo quy định trên của luật. Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của nguyên đơn đồng ý bị đơn là người trực tiếp nuôi con là đúng với quy định tại Điều 5, khoản 1 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đến nay bị đơn không khởi kiện yêu cầu nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn trình bày ý kiến là không có nợ chung, về tài sản chung của vợ chồng không có tranh chấp không có khởi kiện. Hội đồng xét xử không giải quyết các vấn đề này.

[3] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với các chứng cứ vụ án và quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thống nhất đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 238, khoản 1 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 19, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Đặng Kiều T.

- Về hôn nhân: Bà Đặng Kiều T được ly hôn với ông Trần Phát T.

- Về trách nhiệm của các đương sự đối với con chưa thành niên:

Ghi nhận ý kiến thỏa thuận của nguyên đơn đồng ý bị đơn là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đối với Trần Đặng Linh Đ, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2009.

Sau khi ly hôn các đương sự có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật và có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn không khởi kiện yêu cầu nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không có khởi kiện về nợ chung và về tài sản chung của vợ chồng. Hội đồng xét xử không giải quyết các vấn đề này.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Đặng Kiều T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình khởi kiện yêu cầu ly hôn (tiền án phí được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005918 ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai).

Bản án được thi hành theo quy định tại các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Đính

